

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/HSST
Ngày: 12/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Năng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Ông Huỳnh Hoàn Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Khanh – Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2021/HSST ngày 19 tháng 02 năm 2021.

Lê Thị Đ (tên gọi khác: T) – Sinh năm: 1970; tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn V và bà Lê Thị V; Tiền án: Có 2 tiền án về tội trộm cắp tài sản, trong đó có 1 tiền án chưa được xóa án tích; Tiền sự: Chưa; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/01/2021 đến ngày 08/02/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh (Bị cáo có mặt).

*** Người bị hại:** **Lê Thị K** – Sinh năm; 1956; Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 22 tháng 8 năm 2020 Lê Thị Đ từ ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu đi xe khách đến chợ Tràm Chẹt, xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang để tìm Võ Thị Bích T đòi tiền hối. Khoảng 7 giờ 30 phút cùng ngày trong khi đang ở chợ Tràm Chẹt thì Lê Thị Đ phát hiện bà Lê Thị K đang đứng trước tiệm điện thoại Phi Thuyền và trong túi áo khoác có sợi dây bóp (ví) thò ra ngoài nên bị cáo Đ nảy sinh ý định lấy trộm. Sau đó Lê Thị Đ đi đến tiệm điện thoại giả vờ mua card điện thoại, lợi dụng sơ hở của bị hại để móc túi lấy cái bóp (ví) trong đó có số tiền 1.200.000 đồng rồi bỏ đi ra ngoài. Ngay lúc này bà K phát hiện bị mất cái bóp (ví) liền truy hô và được mọi người bán hàng gần đó nghe liền chạy đến giữ Lê Thị Đ lại. Trong lúc giằng co Lê Thị Đ lấy cái bóp (ví) ném vào sọt đựng hột vẹt của bà Trần

Như T gần đó. Hành vi của Lê Thị Đ bị người dân phát hiện bắt đưa về trụ sở cơ quan Công an xử lý theo quy định

Vật chứng trong vụ án thu giữ được bao gồm: 01 bóp (ví) da màu đen, có hoa văn; tiền Việt Nam 1.200.000 đồng.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội trộm cắp tài sản đối với Lê Thị Đ.

Tại bản cáo trạng số 11/Cy-VKSGR ngày 18/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đã truy tố bị cáo Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo qui định tại Khoản 1 - Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đ phạm tội trộm cắp tài sản. Kiểm sát viên luận tội căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Khoản 1 - Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Thị Đ từ 24 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Ghi nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Giồng Riềng đã trao trả cho bị hại Lê Thị K 1 ví da màu đen, có hoa văn và tiền Việt Nam 1.200.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo hứa không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận bị cáo do không tìm được người thiếu nợ tại chợ Bàn Tân Định và trong người không còn tiền nên bị cáo nảy sinh lòng tham và trộm cắp tài sản bằng cách thực hiện hành vi móc túi của người bị hại là bà Lê Thị K. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và giá trị tài sản bị cáo lấy trộm.

Theo quy định tại Điều 173. Tội trộm cắp tài sản Bộ luật Hình sự.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*

b) *Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

c) *Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

d) *Tài sản là phương tiện K sống chính của người bị hại và gia đình họ;*

đ) *Tài sản là di vật, cổ vật*

Như vậy, bị cáo đã có tiền án về hành vi trộm cắp tài sản và chưa được xóa án tích lại tiếp tục có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b - Khoản 1 - Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại thời điểm phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của nhiều người, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương và gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo cũng nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm được mọi người tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Nhưng vì bản chất lười lao động, tham lam nhưng lại muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy cần phải áp dụng cho bị cáo một mức án nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội:

Về tình tiết tăng nặng: Bản thân bị cáo đã có một tiền án chưa được xóa án tích và tiếp tục thực hiện trộm cắp với giá trị tài sản trộm là 1.200.000 đồng dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự là thuộc trường hợp đình khung hình phạt. Do đó, bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s - Khoản 1 - Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm đối với bị cáo từ 24 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ là chưa mang tính giáo dục, răn đe nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt tù đối với bị cáo và cân nhắc trước khi lượng hình.

[4] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Giồng Riềng đã trao trả cho bị hại Lê Thị K 01 ví da màu đen, có hoa văn và tiền Việt Nam 1.200.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b - Khoản 1 - Điều 173; điểm h, s - Khoản 1 - Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ khoản 2 - Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a – Khoản 1 - Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Đ vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 20/01/2021 đến ngày 08/02/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Giồng Riềng đã trao trả cho bị hại Lê Thị K 01 (một) ví da màu đen, có hoa văn và tiền Việt Nam 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng)

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thị Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) đồng.

Báo cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; Bị cáo được tính từ ngày tuyên án. Bị hại tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Nhà tạm giữ CA huyện GR;
- Cơ quan CS điều tra;
- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- UBND xã;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu.

Cao Văn Năng